

Số: **61**/2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 12 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **58**/2020/TLST-HNGĐ, ngày **12** tháng **11** năm **2020**, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Lò Thị D**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Đội 14, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

**Bị đơn:** Anh **Tòng Văn H**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Đội 14, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **04** tháng **3** năm **2021**.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **04** tháng **3** năm **2021** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị **Lò Thị D** và anh **Tòng Văn H**.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lò Thị D** và anh **Tòng Văn H** thuận tình ly hôn.

**2.2.** Anh H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu **Tòng Thị Thanh Th**, sinh ngày **16/9/2016** cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **D** và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**2.3. Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có

**2.4. Về án phí:** **4. Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đ án phí DSST nhưng Chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST Chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000**809** ngày **12/11/2020**, Chị D đã nộp đủ án phí DSST và được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã **Th**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Thùy Dương**